

Số: 646/QĐ-CĐSP

Hoà Bình, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần
trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII;

Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 về việc ban hành Chương trình khung Giáo dục đại học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thuộc khối ngành sư phạm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 573/QĐ-CĐSP ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;

Căn cứ chuẩn đầu ra ngành Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng, ban hành kèm theo Quyết định số 629/QĐ-CĐSP ngày 07/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo – Khảo thí – Khoa học và CTSV,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 2: Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện cho các hình thức đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tuyển sinh từ năm học 2023 - 2024 trở đi.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo – Khảo thí – Khoa học và CTSV, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Như điều 3,
- Lưu: VT, P. ĐT-KT-KH&CTSV, các khoa, tổ.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đào Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **646** /QĐ-CĐSP ngày **11** tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng trường CĐSP Hòa Bình)

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Giáo dục Mầm Non (Early Childhood Education)

Mã ngành: 51140201

Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm Non

Mã chương trình: 51140201THPT2023

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Danh hiệu tốt nghiệp: Cao đẳng giáo dục mầm non

Thời gian đào tạo chuẩn: 03 năm

Đơn vị đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Đối tượng đào tạo: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của ngành đào tạo.
- Được trang bị và rèn luyện đạt phẩm chất đạo đức, sức khỏe, năng lực chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.
- Có đủ kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và phát triển toàn diện trẻ em theo yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non.
- Có khả năng nghiên cứu, ứng dụng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ về phương pháp trong GDMN.
- Có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu ở các cấp học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức:

- M1: Vận dụng được kiến thức cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp.
- M2: Vận dụng được kiến thức chung vào quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của GDMN.

1.2.2. Kỹ năng:

- M3: Phát triển chương trình GDMN, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.
- M4: Quản lý nhóm/lớp mầm non, nghiên cứu khoa học về GDMN.

M5: Giao tiếp, tư vấn, phối hợp, truyền thông trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M6: Tuân thủ và chủ động thực hiện các quy định chung, quy định của GDMN.

M7: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; biết chịu trách nhiệm cá nhân và tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ.

M8: Tự học và thích ứng trong các điều kiện thay đổi.

2. Vị trí và khả năng làm việc sau khi ra trường

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, tư thục, các nhóm trẻ gia đình và các trung tâm giáo dục mầm non.

- Giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp cho giáo sinh ngành GDMN.

- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục.

- Tư vấn viên về giáo dục mầm non.

- Làm việc tại các cơ sở chăm sóc và can thiệp cho trẻ rối loạn phát triển.

3. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học tập ở các trình độ đại học, sau đại học thuộc chuyên ngành Giáo dục Mầm non hoặc gần với chuyên ngành đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Về kiến thức

4.1.1. Kiến thức chung

PLO1: Hệ thống được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật đại cương; giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, thể chất của người giáo viên mầm non và vận dụng vào hoạt động chuyên môn.

4.1.2. Kiến thức chuyên ngành

PLO2: Vận dụng kiến thức về mỹ thuật, âm nhạc và múa, tâm lý học đại cương, giáo dục học đại cương... vào nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức chuyên ngành GDMN.

PLO3: Vận dụng kiến thức về sự phát triển thể chất, sự học và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non, giáo dục học mầm non, nghề giáo viên mầm non, giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật để thực hiện hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực GDMN.

PLO4: Phân tích được các kiến thức vệ sinh - dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn để thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non.

PLO5: Phân tích được các kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ để thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực như thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-kĩ năng xã hội và thẩm mỹ.

PLO6: Phân tích được kiến thức về chương trình, phát triển chương trình GDMN; đánh giá và quản lý trong GDMN vào việc thực hiện chương trình GDMN; đánh giá và quản lý trẻ trong nhóm, lớp mầm non.

PLO7: Ứng dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

PLO8: Ứng dụng được một số kiến thức tự chọn vào thực hiện các hoạt động chuyên môn trong GDMN.

4.2. Về Kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng chung

PLO9: Thực hiện được hoạt động giao tiếp, giao tiếp sư phạm mầm non. Quản lý được cảm xúc của bản thân và giải quyết được các tình huống sư phạm trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động chung ở cơ sở giáo dục mầm non.

PLO10: Có trình độ tiếng Anh, tin học và các chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu.

- Sử dụng được ngôn ngữ Tiếng Anh cơ bản (*tuong đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam*) trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non.

- Sử dụng phương tiện kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhóm, lớp.

- Có chứng chỉ Nghề nấu ăn

- Hoàn thành nội dung Giáo dục quốc phòng an ninh và Giáo dục thể chất theo quy định.

4.2.2. Kỹ năng chuyên ngành

PLO11: Phát triển chương trình GDMN.

PLO12: Thiết kế, tổ chức, đánh giá, quản lý các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với trẻ, chương trình GDMN hiện hành, bối cảnh địa phương và phương pháp GDMN tiên tiến.

PLO13: Thiết kế và tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với yêu cầu của GDMN.

PLO14: Làm việc với trẻ, quan sát, nghiên cứu và đánh giá sự phát triển của trẻ; nghiên cứu khoa học giáo dục về trẻ em; quản lý nhóm, lớp mầm non theo quy định; tổ chức các hoạt động giáo dục hỗ trợ trẻ hoà nhập trong các trường mầm non.

PLO15: Tư vấn, hỗ trợ, phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ, các tổ chức xã hội về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ quyền trẻ em và truyền thông trong GDMN.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO16: Tuân thủ và chủ động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành học; bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em.

PLO17: Chủ động thực hiện yêu cầu trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; hỗ trợ trẻ rối loạn phát triển học hòa nhập tại các cơ sở GDMN; cập nhật các vấn đề đổi mới, phương pháp tiên tiến trong GDMN.

PLO18: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, biết chịu trách nhiệm cá nhân trước nhiệm vụ được giao, có tư duy phản biện, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết, tự học và thích ứng trong điều kiện thay đổi.

PLO19: Tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và đề xuất được biện pháp thực hiện phù hợp.

5. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo																		
	Về kiến thức								Về kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19
M1	X	X														X			
M2	X	X	X	X	X														
M3						X					X								
M4						X						X	X				X		
M5							X	X	X	X				X	X				
M6																X			
M7																		X	
M8																			X

6. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

7. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

7.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

7.2. Tổ chức lớp học

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.
- Số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.
- Danh sách sinh viên lớp học phần do Phòng ĐT-KT-KH&CTSV kiểm soát, in và giao cho khoa quản lý. Sinh viên không có tên trong danh sách lớp học phần không được vào lớp học; giảng viên không được thay đổi danh sách sinh viên lớp học phần.

7.3. Đánh giá kết quả học tập

7.3.1. Đánh giá học phần

Đối với mỗi học phần, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua các điểm thành phần (*điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần*). Điểm kiểm tra bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1), 01 điểm kiểm tra định kì (hệ số 2).

7.3.2. Tính điểm học phần

Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân, trong đó điểm trung bình các điểm kiểm tra chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần chiếm 60% và xếp loại điểm chữ (*trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này*), cụ thể như sau:

a) Loại đạt có phân mức (*Áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình chung học tập*): Điểm môn học, học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên.

c) Loại đạt không phân mức (*Áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình chung học tập*): Điểm môn học, học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5,00 trở lên.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

đ) Học lại: Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

e) Thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm từ không đạt thành đạt (*nếu được sự cho phép của Nhà trường*): Điểm học phần chỉ được giới hạn ở mức điểm D hoặc điểm C;

f) Học lại để cải thiện điểm: Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm và tính điểm theo nguyên tắc lấy điểm cao nhất là điểm chính thức của học phần.

7.3.3. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

- Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (*điểm trung bình học kỳ*), trong một năm học (*điểm trung bình năm học*) hoặc tính từ đầu khóa học (*điểm trung bình tích lũy*), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: Là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: Là số thứ tự môn học, học phần;

+ a_i: Là điểm của môn học, học phần thứ i;

+ n_i: Là số tín chỉ của môn học, học phần thứ i;

+ n: Là tổng số môn học, học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc học phần có điểm cao nhất.

- Các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh là hai học phần điều kiện; kết quả đánh giá hai học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

7.4. Điều kiện tốt nghiệp

7.4.1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có đơn gửi phòng ĐT-KT-KH&CTSV đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp.

7.4.2 Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục thể chất hoặc Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 02 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

7.4.3. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Nhà trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được làm đơn xin chuyển qua chương trình đào tạo khác theo Quy định hiện hành.

8. Nội dung đào tạo

8.1. Tổng số tín chỉ: 82 tín chỉ (*Chưa kể học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục quốc phòng, an ninh và các chuyên đề bổ trợ*). Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 17 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: 08 tín chỉ

+ Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 48 tín chỉ

+ Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 09 tín chỉ

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 05 tín chỉ (02 học phần thuộc các học phần trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành).

8.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Số TC
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương chung cho ngành Sư phạm (Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-AN)	17
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp - Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản: - Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: - Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm: - Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ (Lựa chọn 02 học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành)	65 08 47 10

*** Nội dung từng phần:**

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Số tiết lên lớp			Thực hành, TT tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL TH TN	KT		
A. KHỐI KIẾN THỨC GDĐC CHUNG CHO NGÀNH SP			17	(Chưa bao gồm HP GDQP-AN, GDTC)					
1	DC5501	Những NL cơ bản của CN Mác– LêNin	5	1	52	45	1		Không
2	DC5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	21	17	1		DC5501
3	DC5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	4	32	25	1		DC5202
4	DC5403	Pháp luật đại cương	3	2	29	31	1		Không
5	DC5502	Tiếng Anh 1	2	3	28	16	1		Không
6	DC5602	Tiếng Anh 2	2	4	28	16	1		DC5502
7	DC5711	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)		1 - 4	77	88	0		Không
8	DC5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)	3	1 - 3	0	84	6		Không
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)			08						
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	1	18	23	1		Không
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	1	18	23	1		Không
3	MN5203	Mỹ thuật	2	2	18	21	3		Không

4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	1	18	22	2		Không
II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			47						
1. Phần kiến thức bắt buộc			37						
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	1	19	22	1		Không
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	2	27	35	1		MN5201
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non	3	3	27	35	1		MN5202
4	MN5208	Giáo dục hòa nhập	2	5	18	23	1		MN5202 MN5307
5	MN5309	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.	3	6	27	33	3		Không
6	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	2	18	22	2		MN5205
7	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	3	18	22	2		MN5203
8	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	3	18	22	2		MN5204
9	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	4	18	22	2		MN5307 MN5306
10	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	5	18	22	2		Không
11	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2	4	18	22	2		Không
12	MN5216	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2	4	18	22	2		Không
13	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2	5	18	22	2		MN5224
14	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2	5	18	22	2		DC5803
15	MN5219	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	3	18	22	2		MN5205 MN5210
16	MN5220	Đánh giá trong GDMN	2	5	18	22	2		MN5307 MN5306
17	MN5221	Quản lý trong GDMN	2	6	18	22	2		MN5307
2. Phần kiến thức bổ trợ (tự chọn) 10/22 tín chỉ			10						
1	MN5322	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	1	18	22	2		Không
2	MN5223	Nhạc cụ và múa	2	3	18	22	2		MN5204
3	MN5224	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	4	18	22	2		Không
4	MN5225	Phương pháp nghiên cứu KHGD	2	5	18	23	1		MN5201 MN5202
5	MN5226	Dạy tiếng Mường	2	6	18	22	2		Không
6	MN5227	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	4	18	22	2		Không

7	MN5228	Tiếng Việt thực hành	2	1	18	24	3		Không
8	MN5229	Môi trường và con người	2	1	18	22	2		Không
9	MN5230	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	2	2	18	22	2		DC5501 MN5201 MN5202
10	MN5231	Giáo dục môi trường	2	2	18	22	2		Không
11	MN5232	Lịch sử giáo dục học mầm non	2	2	18	23	1		MN5202
III. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm			10						
1	MN5233	Kiến tập sư phạm	2	2	0	0	0	2 tuần	MN5201 MN5202 MN5205 MN5210
2	MN5234	Thực hành sư phạm	2	5	18	38	4	0	MN5210 MN5211 MN5212 MN5213 MN5214
3	MN5235	Thực tập sư phạm	2	4	0	0	0	3 tuần	MN5133
4	MN5436	Thực tập cuối khóa	4	6	0	0	0	6 tuần	MN5235
IV. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ): Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học).									
Tổng số: 2092 tiết			82		898	1120	74		

Ghi chú:

- Các học phần tự chọn có thể thay đổi theo từng năm học phụ thuộc vào đăng ký của sinh viên.
- Học phần Thực hành Sư phạm, thực hiện từ học kỳ 2 của khóa học, điểm của học phần là điểm trung bình cộng của điểm các bài kiểm tra ở từng học kỳ và tính vào điểm trung bình chung học kỳ 6 của khóa học.

9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA																		
		Kiến thức								Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19
1	Những NLCB của	X								X						X	X			X

	chủ nghĩa Mác– Lê Nin																		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							x						x	x			x
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	x							x						x	x			x
4	Pháp luật đại cương	x							x						x	x			x
5	Tiếng Anh 1								x		x				x			x	
6	Tiếng Anh 2								x		x				x			x	
7	Giáo dục quốc phòng –An ninh	x							x							x			x
8	Giáo dục thể chất	x	x			x			x	x									x
9	Tâm lý học đại cương		x						x						x		x		x
10	Giáo dục học đại cương		x						x						x		x		x
11	Mỹ thuật		x			x						x			x				x
12	Âm nhạc và Múa		x			x						x			x				x
13	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN			x	x				x					x	x		x		x
14	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non			x		x			x					x	x		x	x	x
15	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non			x		x			x					x	x		x	x	x
16	Giáo dục hòa nhập			x			x		x					x	x		x		x
17	Chương trình						x		x		x	x	x		x		x	x	x

	GDMN - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.																	
18	Vệ sinh - Dinh dưỡng			X							X			X		X		X
19	Tổ chức hoạt động tạo hình		X		X						X	X	X	X		X		X
20	Tổ chức hoạt động âm nhạc		X		X						X	X	X	X		X		X
21	Tổ chức hoạt động vui chơi				X						X	X	X	X		X		X
22	Phương pháp phát triển ngôn ngữ				X			X			X	X	X	X		X	X	X
23	Phương pháp làm quen với Toán										X	X		X		X		X
24	Phương pháp khám phá khoa học và MTXQ							X			X	X		X		X		X
25	Phương pháp làm quen với văn học				X			X			X	X		X		X	X	X
26	Phương pháp giáo dục thể chất			X				X			X	X		X		X		X
27	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn			X		X	X	X		X		X						X
28	Đánh giá trong GDMN					X		X			X	X	X	X	X		X	X
29	Quản lý trong GDMN					X		X			X	X	X	X	X		X	X
30	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN						X	X	X	X		X	X	X	X		X	X
31	Nhạc cụ và múa		X		X			X	X				X	X	X		X	
32	Văn học thiếu nhi và đọc, kể				X			X	X			X	X	X	X		X	X

	diễn cảm																		
33	Phương pháp nghiên cứu KHGD					X		X	X		X	X		X	X		X	X	X
34	Dạy tiếng Mường							X	X			X	X	X	X		X	X	X
35	Cơ sở văn hóa Việt Nam		X					X							X		X		X
36	Tiếng Việt thực hành					X		X	X			X	X	X	X		X	X	X
37	Môi trường và con người								X			X	X		X		X		X
38	Phương pháp nghiên cứu trẻ em			X		X	X		X				X	X	X		X	X	X
39	Giáo dục môi trường								X			X	X		X		X		X
40	Lịch sử giáo dục học mầm non			X							X	X	X		X				X
41	Kiến tập Sư phạm	X	X	X	X			X	X	X					X		X		X
42	Thực hành Sư phạm	X	X	X	X	X		X	X	X			X	X	X	X	X	X	X
43	Thực tập sư phạm	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
44	Thực tập cuối khóa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tốt nghiệp																		
	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Học kì						Khoa, Tổ giảng dạy
				1	2	3	4	5	6	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A. Kiến thức giáo dục đại cương			17							
1	DC 5501	Những NL cơ bản của CN Mác- LêNin	5	5						Tổ LLCT-GDQPAN&GDT C
2	DC 5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2				Tổ LLCT-GDQPAN&GDT C
3	DC 5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3				3			Tổ LLCT-GDQPAN&GDT C

4	DC 5403	Pháp luật đại cương	3		3					Tổ LLCT-GDQPAN&GDT C
5	DC 5502	Tiếng Anh 1	2			2				Khoa TH-THCS&LKĐT
6	DC 5602	Tiếng Anh 2	2				2			Khoa TH-THCS&LKĐT
7	DC 5711	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)								TTGDQPAN-ĐHQGHN
8	DC 5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)	3	1	1	1				Tổ LLCT-GDQPAN&GDT C
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)			08							
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	2						TTNCTL-GD &GDĐB
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	2						TTNCTL-GD &GDĐB
3	MN5203	Mỹ thuật	2		2					Khoa MN
4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	2						Khoa MN
II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			47							
1. Phần kiến thức bắt buộc			37							
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	2						Khoa MN
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3		3					TTNCTL-GD &GDĐB
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non	3			3				TTNCTL-GD &GDĐB
4	MN5208	Giáo dục hòa nhập	2					2		TTNCTL-GD &GDĐB
5	MN5309	Chương trình GDMN - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3						3	Khoa MN
6	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2		2					Khoa MN
7	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2		2					Khoa MN

8	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2		2					Khoa MN
9	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2				2			Khoa MN
10	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2			2				Khoa MN
11	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2				2			Khoa MN
12	MN5216	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2			2				Khoa MN
13	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2			2				Khoa MN
14	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2			2				Khoa MN
15	MN5219	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2					2		Khoa MN
16	MN5220	Đánh giá trong GDMN	2					2		Khoa MN
17	MN5221	Quản lý trong GDMN	2						2	Khoa MN
2. Phần kiến thức bổ trợ (tự chọn 5 học phần 10/22 TC)			10							
1	MN5322	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	2						Tổ Tin học
2	MN5223	Nhạc cụ và múa	2			2				Khoa MN
3	MN5224	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2				2			Khoa TH-THCS&LKĐT
4	MN5225	Phương pháp nghiên cứu KHGD	2					2		TTNCTL-GD &GDĐB
5	MN5226	Dạy tiếng Mường	2						2	Khoa TH-THCS&LKĐT
6	MN5227	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				2			Khoa MN
7	MN5228	Tiếng Việt thực hành	2					2		Khoa TH-THCS&LKĐT
8	MN5229	Môi trường và con người	2	2						Trường PTHCLCNTT

9	MN5230	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	2			3			TTNCTL-GD &GDĐB
10	MN5231	Giáo dục môi trường	2		2				Trường PTHCLCNTT
11	MN5232	Lịch sử giáo dục học mầm non	2		2				TTNCTL-GD &GDĐB
III. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm			10						
1	MN5233	Kiến tập sư phạm (2 tuần)	2		2				Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen
2	MN5234	Thực hành sư phạm	2					2	Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen
3	MN5235	Thực tập sư phạm (3 tuần)	2				2		Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen
4	MN5436	Thực tập cuối khóa (6 tuần)	4					4	Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen/Trường Mầm non
IV. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									Khoa MN
Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học phần).								5	
Tổng cộng			82	15	16	17	13	08	13

11. Mô tả tóm tắt học phần

11.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

5 TC

Điều kiện tiên quyết: Năm thứ nhất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ

ngĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

11.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

11.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

11.4. Pháp luật đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Chương trình môn học Pháp luật đại cương dùng cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học gồm 11 chương, 03 phần những kiến thức cơ bản về các vấn đề:

- Phần thứ nhất: Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật (02 chương);
- Phần thứ 2: Hệ thống pháp luật Việt Nam,
- Phần thứ 3: Luật pháp quốc tế.

11.5. Tiếng Anh 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành dựa trên kiến thức nền cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A1. Cụ thể:

- Kiến thức

✓ Trọng tâm ngữ pháp: verb be, possessive adjectives, plurals, present simple, a/an + job, possessives, adjectives, adverbs of frequency, prepositions of time, can/can't, like + verb-ing, object pronouns, possessive pronouns, past simple.

✓ Trọng tâm từ vựng: Numbers, countries and nationalities, personal information, object, verb phrases, jobs, family, daily routine, time words and expressions, the date, free time activities, music, word formation, past time expressions, go/have/get, irregular verbs.

✓ Trọng tâm cách phát âm: vowel sounds, word stress, the alphabet, consonant sounds, third persons, the letters, sentence stress, rhyming words, ed ending, past simple verbs.

- Kỹ năng: Các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết được học và thực hành thông qua các phần của bài học với sự hỗ trợ của phần kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm.

11.6. Tiếng Anh 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 là môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành dựa trên kiến thức nền cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2. Cụ thể:

- Kiến thức

✓ Trọng tâm ngữ pháp: There is/ there are, there was/ there were, present simple, present continuous, a/an, some/any, how much/how many, quantifiers: alot, not much ..., be going to (plans), be going to (predictions) comparative adjectives, superlative adjectives, would like to/like, adverbs, present perfect, present perfect or past simple.

✓ Trọng tâm từ vựng: Houses and furniture, prepositions of place, verb phrases, places in city, food, countable/uncountable nouns, drinks, holidays, personalities adjectives, the weather, adventures, common adverbs, past participles. Trọng tâm cách phát âm: vowel sounds, consonant sounds, sentence stress, silent letters, city names, consonant groups, adjectives and adverbs, irregular past participles.

- Kỹ năng: Các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết được học và thực hành thông qua các phần của bài học với sự hỗ trợ của phần kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm.

11.7. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học chính khóa, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Môn học gồm 04 học phần với tổng thời lượng 165 tiết (1) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam - 45 tiết (2) Công tác quốc phòng và an ninh - 30 tiết (3) Quân sự chung - 30 tiết (4) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết).

11.8. Giáo dục thể chất (90 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu và thực hành một số kỹ thuật cơ bản của các nội dung: Các môn Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Cầu lông, Đá cầu. Đồng thời thông qua các bài tập thực hành, vận động giúp sinh viên có được sức khỏe, tinh thần và thể lực tốt để học tập, nghiên cứu góp phần phát triển con người toàn diện. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên hình thành các năng lực: năng lực tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng vận động trong TDDT vào cuộc sống thực tiễn, năng lực hoạt động xã hội (năng lực tham gia thi đấu và làm trọng tài ở một số môn thể thao, năng lực hướng dẫn cộng đồng tập luyện TDDT đúng cách).

11.9. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người và sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; Một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.

11.10. Giáo dục học đại cương**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung cơ bản của học phần là hệ thống tri thức cơ bản về vai trò của giáo dục, mục đích, nguyên lý, và hệ thống GD quốc dân, GD mầm non trong hệ thống GD quốc dân, cung cấp những kiến thức về giáo dục học, bao gồm các phạm trù, khái niệm, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm. Trên cơ sở đó hình thành năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, đặt nền tảng cho việc hình thành năng lực dạy học và giáo dục cho sinh viên.

11.11. Mỹ thuật**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình, kiến thức và kỹ năng thể hiện về hình họa, màu sắc, trang trí cơ bản, bố cục, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé cắt dán, kẻ cắt chữ, nặn.

Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

11.12. Âm nhạc và Múa**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học trang bị cho sinh viên các nội dung về Nhạc lý cơ bản: Âm thanh, cao độ, trường độ, nhịp, phách, cung, quãng, hợp âm, điệu thức, dịch giọng; Tập đọc nhạc: Tập đọc các bài trong chương trình giáo dục Mầm non; Giới thiệu sơ lược về kỹ thuật ca hát; Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa, một số động tác múa dân gian các dân tộc.

11.13. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người, giới thiệu các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em, mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường, sự phát triển của các hệ: hệ thần kinh; các giác quan; đặc điểm sinh lý và vệ sinh các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi. Môn học có mối quan hệ chặt chẽ và là nền tảng cho các môn học Tâm lý học trẻ em; Vệ sinh-Dinh dưỡng; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em.

11.14. Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Mục tiêu của học phần nhằm hình thành kiến thức, kĩ năng, năng lực đánh giá về tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, tạo nền tảng cho quá trình dạy học và giáo dục trẻ em ở lứa tuổi này.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lí học trẻ em, các quy luật phát triển tâm lí của trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em từ lọt lòng đến 36 tháng tuổi và các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo; việc dạy và học đối với trẻ mầm non, giao tiếp ứng xử của cô giáo đối với trẻ mầm non.

11.15. Giáo dục học Mầm non và Nghề giáo viên Mầm non 3 TC**Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức chung về giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, nội dung giáo dục mầm non. Học phần hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non, tổ chức cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non và sự phối hợp giữa trường mầm non với gia đình và cộng đồng;

- Một số tri thức cơ bản về hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non, một số tình huống sư phạm và cách giải quyết nó trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Hình thành cho sinh viên một số kĩ năng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, kĩ năng giao tiếp, ứng xử trong dạy học, giáo dục nói chung và giáo dục trẻ mầm non nói riêng, kĩ năng giải quyết các tình huống sư phạm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

11.16. Giáo dục hòa nhập 2 TC**Điều kiện tiên quyết:** Không

Môn học GDHN trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về trẻ khuyết tật và các dạng khuyết tật khác nhau. Giúp SV vận dụng được các phương pháp, kĩ năng đặc thù vào dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập và chủ động, biết cách tổ chức cũng như vận động các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục trẻ khuyết tật.

11.17. Chương trình giáo dục mầm non – Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN 3 TC**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục mầm non; phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN: Những vấn đề chung của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm; Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề; Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Cập nhật kiến thức mới trong giáo dục mầm non. Các kĩ năng về lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

11.18. Vệ sinh – Dinh dưỡng 2 TC**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần vệ sinh - dinh dưỡng bao gồm nội dung về vệ sinh trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ; đại cương về dinh dưỡng, thực phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, dinh dưỡng cho trẻ mầm non theo lứa tuổi, giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm

non theo hướng tích hợp. Các kĩ năng về vệ sinh trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ, thực hiện khoa học dinh dưỡng cho trẻ mầm non.

11.19. Tổ chức hoạt động tạo hình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp và hướng dẫn cho sinh viên những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường mầm non: ý nghĩa, vai trò, phương pháp, hình thức tổ chức tạo hình; lập kế hoạch và tổ chức các dạng hoạt động tạo hình ở trường mầm non; cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam vào một số nội dung phù hợp với học phần.

11.20. Tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp và hướng dẫn cho sinh viên những vấn đề chung về hoạt động âm nhạc ở trường mầm non: ý nghĩa, vai trò, phương pháp, hình thức tổ chức; cách lập kế hoạch và tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc ở trường mầm non; tổ chức các chương trình, ngày hội, lễ ở trường mầm non; cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

11.21. Tổ chức hoạt động vui chơi

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “*Tổ chức hoạt động vui chơi*” cung cấp và hướng dẫn cho sinh viên một số vấn đề chung về hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non: khái niệm, nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa; sự hình thành và phát triển các trò chơi cho trẻ mầm non; lập kế hoạch và tổ chức tổ chức các loại trò chơi, hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non; cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

11.22. Phương pháp phát triển ngôn ngữ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; giáo dục chuẩn mực ngữ âm Tiếng Việt; hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; cho trẻ làm quen với tác phẩm văn chương; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học. Kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các độ tuổi mầm non. Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

11.23. Phương pháp làm quen với toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “*Phương pháp làm quen toán*” trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non như vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non (tập hợp, con số, phép đếm; kích thước; hình dạng; định hướng không gian và thời gian); Giúp cho sinh viên lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình hình thành các biểu tượng toán ở trường mầm non.

11.24. Phương pháp khám phá khoa học và MTXQ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần phương pháp khám phá khoa học (KPKH) về môi trường xung quanh (MTXQ) cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về bộ môn như: khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc cho trẻ KPKH về MTXQ; yêu cầu, nội dung, phương pháp, điều kiện, phương tiện và hình thức tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ; Các kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức và đánh giá các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam.

11.25. Phương pháp làm quen văn học**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần “*Phương pháp làm quen văn học*” trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non; vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ và một số đặc điểm tâm lý của trẻ em liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học; Các phương pháp và cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện cũng như giúp cho sinh viên lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở các độ tuổi; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam.

11.26. Phương pháp giáo dục thể chất**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần Phương pháp giáo dục thể chất trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nội dung, phương tiện, phương pháp, hình thức, tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Kỹ năng thực hiện các bài tập phát triển chung, các vận động cơ bản, tổ chức trò chơi vận động cho trẻ theo từng độ tuổi; lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở các độ tuổi mầm non dưới nhiều hình thức khác nhau.

11.27. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh học trẻ em; một số bệnh thường học ở trẻ em; phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp ở trẻ em; đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp; tích hợp nội dung phòng chống bạo lực học đường vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non; giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non. Kỹ năng về phòng bệnh, chăm sóc, giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

11.28. Đánh giá trong giáo dục mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần Đánh giá trong giáo dục mầm non cung cấp những kiến thức chung về đánh giá trong GDMN; các nội dung đánh giá trong GDMN: đánh giá chất lượng cơ sở GDMN; đánh giá chương trình GDMN; đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN; đánh giá sự phát triển của trẻ. Kỹ năng về đánh giá trong GDMN.

11.29. Quản lý trong giáo dục mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần *Quản lý giáo dục mầm non* cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục; công tác quản lý trường mầm non và công tác quản lý nhóm, lớp trong trường mầm non. Kỹ năng về quản lý trường, lớp mầm non.

11.30. CNTT và UDCNTT trong GDMN

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính thiết yếu của việc cần UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm công cụ như xử lý văn bản với Microsoft Word, thiết kế bài trình chiếu với Microsoft Powerpoint, cách tìm kiếm thông tin trên Internet và một số phần mềm trò chơi, chăm sóc, quản lý trẻ mầm non.

11.31. Nhạc cụ và múa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc và Múa

Nhạc cụ và múa là môn học giúp sinh viên được học trực tiếp trên đàn organ. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đàn Organ điện tử; học cách sử dụng đàn, cách luyện ngón, sử dụng phần đệm (cách đệm ngón đơn, ngón kép) và ứng dụng thực hành đàn các bài trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non... Đây là môn thực hành trong đó tổng hợp kiến thức của các phân môn âm nhạc như: Nhạc lý cơ bản, tập đọc nhạc, hát v.v...

Môn Nhạc cụ và múa còn cung cấp cho sinh viên động tác múa một số bài trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non; trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp biên soạn động tác múa, từ đó ứng dụng thực hành biên soạn, dàn dựng các bài múa trong các hoạt động giáo dục âm nhạc và múa ở trường mầm non. Đây là môn thực hành trong đó tổng hợp kiến thức của các học phần như: Nhạc lý cơ bản, múa cơ bản ...

11.32. Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi, rèn cho sinh viên kỹ năng đọc kể diễn cảm.

11.33. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của CNML, các học phần Tâm lý học, giáo dục học.

Mục tiêu của học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về khoa học và nghiên cứu khoa học giáo dục; các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; cách tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục và cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, từ đó bước đầu sinh viên biết cách lựa chọn và xây dựng được một đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục.

11.34. Dạy tiếng Mường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: tốt nghiệp THPT

Học phần tiếng Mường cung cấp những kiến thức cơ bản ngôn ngữ học nói chung, của tiếng Mường cụ thể nói riêng như: âm tiết, âm vị, âm tố, âm đầu, âm đệm, ...

Chương trình gồm 14 bài, ngoài bài mở đầu giới thiệu bảng chữ cái, mỗi bài là một chủ đề giao tiếp như: chào hỏi, giới thiệu làm quen, thăm hỏi, gia đình, nghề nghiệp, thời gian, thời tiết, mua bán, ăn uống, trang phục, ... Mỗi chủ đề có 2 đến 4 cuộc hội thoại được thiết kế dưới dạng hỏi, trả lời; có nội dung xoay quanh chủ đề và gắn với đời sống của người Mường. Trong mỗi bài, sau phần hội thoại có phần chú giải từ vựng, ngữ pháp và phần thực hành – được thiết kế dưới dạng các bài tập điền từ, nối kết thành câu, hỏi và trả lời với bài khóa ngắn gọn. Cuối mỗi bài có 2 câu “Lời ăn tiếng nói của người Mường”, người học có thể học thuộc vừa để nâng cao tiếng Mường, vừa để hiểu về ngôn ngữ và văn hóa Mường.

11.35. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về khái niệm văn hóa, văn hóa học. Người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc trưng tiêu biểu của các vùng văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam. Hiểu biết cơ bản về đời sống văn hóa của người Việt Nam. Đặc biệt, chương trình nhấn mạnh các nội dung cơ bản về văn hóa vật chất (ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại), văn hóa tinh thần (lễ tết, lễ hội, văn nghệ dân gian, văn học dân gian) của dân tộc Mường ở Hòa Bình. Trên cơ sở đó người học lựa chọn các nội dung, giá trị văn hóa phù hợp đưa vào phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

11.36. Tiếng Việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hướng dẫn cách sử dụng tiếng Việt một cách chuẩn mực: Cách xây dựng đoạn văn, cách dùng từ đặt câu, cách sử dụng từ ngữ theo các phong cách ngôn ngữ khác nhau...

11.37. Môi trường và con người

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các nội dung chính: (1) Giới thiệu về khoa học môi trường (2) Hệ sinh thái học và môi trường (3) Dân số và phát triển dân số (4) Nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người (6) Khai thác tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường (7) Phương hướng và chương trình hành động bảo vệ môi trường

11.38. Phương pháp nghiên cứu trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý cơ bản của CNML, Tâm lý học, Giáo dục học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: những vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu trẻ em, các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu trẻ em mang tính chất định hướng của phương pháp luận, và hệ thống các phương pháp nghiên cứu trẻ em rất cụ thể (bao gồm nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận, nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn, phương pháp nghiên cứu bằng toán học). Học phần còn giúp sinh viên biết cách tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học để có thể tiến hành một khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học trong quá trình làm việc sau này.

11.39. Giáo dục môi trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các nội dung chính (1) Giới thiệu về giáo dục môi trường (2) Giáo dục môi trường trong trường mầm non (3) Thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường trong trường mầm non

11.40. Lịch sử giáo dục học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên một số tư tưởng, quan điểm giáo dục của một số nhà giáo dục trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử, lịch sử hình thành và phát triển ngành giáo dục mầm non. Sinh viên vận dụng được những hiểu biết về một số quan điểm giáo dục xuất sắc để giải thích, giải quyết những vấn đề xảy ra trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.

11.41. Kiến tập sư phạm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Tâm lý học đại cương, Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

Tổ chức cho sinh viên tham quan, kiến tập tại cơ sở GDMN. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GDMN, hệ thống tổ chức, loại hình trường, lớp mầm non; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình GDMN. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ.

11.42. Thực hành sư phạm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kiến tập sư phạm và một số học phần chuyên ngành, phương pháp giảng dạy.

Tổ chức cho sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý, điều khiển nhóm trẻ; làm việc với cha mẹ và cộng đồng; thiết kế môi trường giáo dục. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình.

11.43. Thực tập sư phạm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực hành sư phạm ở một số nội dung và một số học phần chuyên ngành, phương pháp giảng dạy.

Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.

11.44. Thực tập cuối khóa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm, các học phần chuyên ngành và phương pháp giảng dạy.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non, tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách

có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Cấu trúc chương trình

12.1.1. Về nội dung:

Nội dung chương trình được xây dựng theo hướng phát triển năng lực ở người học, bao gồm năng lực giáo dục, năng lực về chuyên môn Giáo dục Mầm non và các năng lực khác. Chương trình cũng được thiết kế tương thích với Khung năng lực giáo viên Mầm non tại Việt Nam. Định hướng mở của chương trình cũng được chú trọng khi có nhiều học phần tự chọn và gắn liền với thực tiễn, phù hợp với trình độ của người học. Tỉ trọng của các nội dung lí thuyết giảm và tăng nội dung thực hành cũng nhằm tạo điều kiện và đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp của người học trong khi vẫn bảo đảm tính hệ thống từ thấp đến cao của chương trình.

12.1.2. Về phương pháp, kiểm tra đánh giá, phương tiện và tổ chức đào tạo:

Tổ chức các hoạt động đào tạo phải hướng đến việc phát huy năng lực tự học của người học, giúp người học hình thành ý thức tự giác, chủ động, sáng tạo trong công việc học tập của bản thân. Cụ thể:

- Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập,...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo ...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Chú trọng đến các hoạt động rèn luyện NVSPTX, dành tối đa thời gian cho các hoạt động thực hành trong các buổi rèn luyện NVSPTX, kết hợp chặt chẽ với Tổ Tâm lý giáo dục và giáo viên ở cơ sở Giáo dục Mầm non, các trường Mầm non trên địa bàn để vận dụng các nội dung đổi mới đáp ứng với yêu cầu thực tiễn trong giáo dục Mầm non hiện nay;

- Sử dụng triệt để các phương tiện kĩ thuật dạy học như các thiết bị nghe nhìn, máy tính, các phần mềm hỗ trợ dạy học Mầm non, mạng Internet.

12.2. Thực hiện chương trình

Trước khi bắt đầu mỗi học phần, giảng viên phải cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên, công bố hình thức kiểm tra đánh giá học phần, các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo. Giảng viên phải có kế hoạch hướng dẫn sinh viên chuẩn bị nội dung học tập cho từng chương, bài, bao gồm hướng dẫn đọc và tóm tắt từng phần bài trong giáo trình, tài liệu tham khảo; hướng dẫn lập kế hoạch, thực hành giảng dạy; hướng dẫn làm thảo luận; hướng dẫn làm các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm cùng cơ sở Thực hành.

12.3. Điều hành chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 82 tín chỉ, chưa kể học phần Giáo dục thể chất. Giáo dục quốc phòng.

Chương trình bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần thay thế được lên kế hoạch giảng dạy trong 6 học kỳ. Sinh viên phải học các học phần bắt buộc theo kế hoạch và đáp ứng các điều kiện tiên quyết như trong mô tả học phần. Các học phần thay thế được đăng ký học theo học kỳ tương ứng. Việc triển khai tổ chức giảng dạy các học phần tự chọn sẽ dựa trên sự lựa chọn của người học và điều kiện thực tế của nhà trường.

Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức nghiệp vụ chung do các đơn vị có liên quan tổ chức và điều hành giảng dạy. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục Mầm non và học phần Rèn luyện NVSPTX do khoa Mầm non quản lý, tổ chức và điều hành giảng dạy.

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng	Học phần
1	Lê Hải Diệu	1974	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN; Quản lý GDMN; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ.
2	Dương Bích Thúy	1977	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN; Quản lý GDMN; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; PP làm quen văn học;
3	Nguyễn Ngọc Anh	1993	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non; PP phát triển ngôn ngữ; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh;
4	Hoàng Ngọc Mai	1988	Cử nhân GDMN	PP giáo dục thể chất; Tổ chức HĐ tạo hình
5	Nguyễn Thành Hưng		Thạc sĩ Triết học	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
6	Đỗ Thị Thanh Mai	1986	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
7	Đỗ Thị Tiến Thành	19	Thạc sĩ Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
8	Trịnh Thị Hồng	19	Thạc sĩ	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
9	Bùi Thị Phương	19	Cử nhân	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
10	Trần Lê Quân	1968	Thạc sĩ CNXHKKH; Giảng viên	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.

			ĐLCM	
11	Hà Thị Vân Hòa	1990	Cử nhân Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
12	Nguyễn Phương Quỳnh	1969	Thạc sỹ Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
13	Quách Công Sơn	1968	Thạc sỹ Kinh tế chính trị;	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
14	Trần Thị Hương Dung	1982	Thạc sỹ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
15	Phạm Thị Lệ Hằng	1982	Thạc sỹ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
16	Phạm Nam Phương	1980	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
17	Trần Thị Thu Trang	1985	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
18	Nguyễn Thị Hương May	1986	Thạc sỹ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
19	Nguyễn Thị Huyền	1989	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học

				mầm non và nghề giáo viên mầm non; PP nghiên cứu khoa học giáo dục; PP nghiên cứu trẻ em; Lịch sử giáo dục học mầm non.
20	Vũ Thị Ánh Ngọc	1973	Thạc sĩ GDTC	Giáo dục thể chất
21	Đồng Sỹ Khang	1975	Thạc sĩ GDTC	Giáo dục thể chất.
22	Nguyễn Thị Hưng	1987	Thạc sĩ QLGD	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
23	Bùi Văn Thiện	1985	Đại học GDTC-QP	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
24	Phạm Ngọc Giang	1981	Đại học Âm nhạc	Âm nhạc và múa (Phần Âm nhạc); Nhạc cụ và múa (Phần Nhạc cụ).
25	Hà Băng Tâm	1975	Đại học Âm nhạc	Nhạc cụ và múa (Phần Múa)
26	Nguyễn Thị Thanh Hà	1985	Thạc sĩ Âm nhạc	Nhạc cụ; Tổ chức HĐAN; PP GDAN
27	Nguyễn Mạnh Huy	1979	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH; Tạo hình; PP hướng dẫn trẻ HĐTH
28	Phùng Thị Thu Trang	1987	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH; Tạo hình; PP hướng dẫn trẻ HĐTH
29	Bùi Thị Dần	1975	Thạc sĩ Toán học	Toán; PP dạy trẻ làm quen với toán;
30	Nguyễn Thị Kim Cúc	1971	Thạc sĩ Văn học	Văn; Tiếng Việt; Văn học TN và đọc kể diễn cảm
31	Nguyễn Thị Thanh Bình	1973	Thạc sĩ QLGD	CTS và GDHN trẻ KT; GDHN trẻ KT; Tâm bệnh học và GDDD; PP nghiên cứu khoa học giáo dục
32	Trương Thị Phương Lan	1989	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
33	Bùi Thị Bích Huệ	1987	Đại học CNTT	CNTT và UDCNTT trong GDMN
34	Nguyễn Văn Hào	1981	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
35	Trần Thị Na	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
36	Lê Thị Thu Hương	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
37	Nguyễn Thị Hồng Thu	1990	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
38	Đinh Thị Thảo	1986	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
39	Lỗ Thị Nhung	1986	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
40	Ngô Thùy Hương	1974	Thạc sĩ	Tiếng Anh

			tiếng Anh	
--	--	--	-----------	--

14. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

14.1. Phòng nghiệp vụ

- Phòng thực hành tập giảng với các thiết bị, đồ dùng theo chuẩn lớp MN tại cơ sở
- Phòng thực hành nấu ăn được thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ thực hành cho sinh viên.

14.2. Thư viện

14.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình / ĐCBG	Tác giả	Nhà XB	Năm
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013)	2009
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013).	2009
3	Pháp luật đại cương (Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và THCN)	Lê Minh Toàn (chủ biên)	Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội	2011
4	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, (giáo trình dành cho sinh viên các trường sư phạm, ban hành theo quyết định số 33/2002/QĐ/BGD&ĐT)	Viện Nghiên cứu sư phạm - Phạm Viết Vượng chủ biên	Đại Học Sư Phạm	2003
6	Face2Face (Pre-Intermediate – Student’s Book and Work Book), Cambridge – University Press	Chris Redston & Gillie Cunningham,	Cambridge – University Press	2005
7	Giáo trình giáo dục quốc phòng (Tập 1)	Đào Huy Hiệp	GD Việt Nam	2009
8	Giáo trình giáo dục quốc phòng (Tập 2)	Nguyễn Tiến Hải	GD Việt Nam	2009
9	Giáo trình Điền kinh	PGS.TS Nguyễn Kim Minh, Thạc sĩ Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Thạc sĩ Đặng Ngọc Quang	Đại học Sư phạm	2004
10	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Đình Cường,	Đại học Sư	2007

		Phan Thị Hiệp	phạm	
11	Giáo trình Thể dục dụng cụ	Đặng Đức Thao, Vũ Thị Thư	Giáo dục	1998
12	Giáo trình bóng chuyền	Sách dự án đào tạo giáo viên THCS	ĐHSP Hà Nội	2003
13	Giáo trình cầu lông	Th.S Trần Văn Vinh, Th.S Nguyễn Trọng Hải, Th.S Đào Chí Thành	ĐHSP Hà Nội	2004
14	Giáo trình đá cầu		ĐHSP Hà Nội	2003
15	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	ĐHSP	2016
16	Giáo dục học (tập 1)	Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn...	ĐHSP	2018
17	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình (Dùng cho THCN)	Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội	NXB Hà Nội	2005
18	Giáo trình mỹ thuật	Phạm Thị Chính - Trần Tiểu Lâm	NXB Hà Nội	2008
19	Giáo trình trang trí	Tạ Phương Thảo	NXB Đại học sư phạm	2004
20	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc (tập I, II)	Ngô Thị Nam - Trần Nguyên Hoàn - Trần Minh Trí	GD Việt Nam	
21	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yến	Âm nhạc	2004
22	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan	GD Việt Nam	2008
23	Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai	GD Việt Nam	2014
24	Giáo trình giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	GD Việt Nam	2009
25	Giáo trình Nghề GV mầm non	Hồ Lam Hồng	GD Việt Nam	2012
26	Giáo dục học mầm non	Nguyễn Thị Hoà	ĐHSP	2017
27	Giáo trình giáo dục hòa nhập	Trần Thị Thiệp - Nguyễn Xuân Hải - Lê Thị Thúy Hằng	GD Việt Nam	2011
28	Chương trình Giáo dục mầm non	Bộ GD&ĐT	GD Việt Nam	2018
29	Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Chương trình giáo dục mầm non – Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non – Quản lý trong giáo dục mầm non).	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	GD Việt Nam	2013
30	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi	Đinh Văn Vang	GD Việt Nam	2009

31	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Ứng Thị Châu- Nguyễn Lâm Bình- Lê Đức Hiền	GD Việt Nam	1998
32	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Lê Đức Hiền.	Hà Nội	2005
33	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	Lê Hồng Vân.	ĐHQGHN	
34	Tổ chức hoạt động âm nhạc	Phạm Thị Hòa	Giáo dục VN	2010
35	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đinh Hồng Thái, Trần Thị Mai	GD Việt Nam	2011
36	Giáo trình Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Lã Thị Bắc Lý, Lê Ánh Tuyết	GD Việt Nam	2008
37	Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo,	Đinh Thị Nhung	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
38	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	Đỗ Thị Minh Liên	GD Việt Nam	2011
39	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh – Nguyễn Thị Xuân	GD Việt Nam	2011
40	Giáo trình PPGDTC đào tạo giáo viên mầm non có trình độ cao đẳng	Đặng Hồng Phương	GD Việt Nam	2008
41	Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng - Dành cho hệ đào tạo CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	GD Việt Nam	2011
42	Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non - Dành cho hệ CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	GD Việt Nam	2008
43	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	GD Việt Nam	2008
44	Quản lý giáo dục mầm non	Phạm Thị Châu	GD Việt Nam	2014
45	Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa	GD Việt Nam	2014
46	Lịch sử giáo dục thế giới	Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm	GD Việt Nam	1998
47	60 năm giáo dục mầm non Việt Nam	Phạm Thị Sửu (chủ biên)	GD Việt Nam	2006
48	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	ĐHQG	2000
49	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	GD Việt Nam	1997
50	Microsoft Office 2013 Dành Cho Người Bắt Đầu	Quang Huy- Tường Thụy	Thời Đại	2014
51	Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử,	Xuân Tứ	Đại học Sư phạm	2005
52	Âm nhạc và múa (dành cho hệ	Hoàng Công Dụng	GD Việt Nam	2012

	CDSP mầm non)			
53	Múa	Trần Minh Trí	Đại học Sư phạm	2007
54	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	ĐHSP	2016
56	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Thị Như Mai	Đại học Sư phạm	2014
57	Giáo trình Vệ sinh – dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa – Trần Văn Dần	GD Việt Nam	2011
58	Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa – Trần Văn Dần	GD Việt Nam	2008

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đào Anh Tuấn